

PHỤ LỤC PHÂN TÍCH, SO SÁNH TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT MỚI

Đơn vị tính: triệu đồng

A	KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ														
STT	NỘI DUNG	Kinh phí thực hiện Nghị quyết trước sắp xếp đã được cấp dự toán thực hiện năm 2026						Theo dự thảo Nghị Quyết mới				Chênh lệch tăng giữa dự thảo NQ mới và 02 Nghị quyết trước sắp xếp đã giao dự toán thực hiện trong năm 2026		Kinh phí ngân sách cần bổ sung thực hiện từ tháng 6/2026 đến hết tháng 12/2026	
		Kinh phí chi phụ cấp hàng tháng (do Ngân sách TW cấp)				Kinh phí chi đóng BHXH bắt buộc 17%	Tổng cộng	Kinh phí chi phụ cấp hàng tháng (do Ngân sách TW cấp)		Kinh phí chi đóng BHXH bắt buộc 17%	Tổng cộng	Kinh phí chi phụ cấp hàng tháng (do Ngân sách TW cấp)	Kinh phí chi đóng BHXH bắt buộc (do Ngân sách tỉnh cân đối)		
		Theo Nghị Quyết số 41 Bình Định trước đây		Theo Nghị Quyết số 73 Gia Lai trước đây				Kinh phí chi phụ cấp hàng tháng (do Ngân sách TW cấp)							
		Hệ số	Thành tiền	Hệ số	Thành tiền			Hệ số	Thành tiền						
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
I	Mức phụ cấp hàng tháng đối với NHĐKCT ở thôn, tổ dân phố được trung ương khoán 6,0 lần mức lương cơ sở														
1	Bí thư Chi bộ (778 người)	2,0	15.275.520	1,7	24.154.416	6.703.089	46.133.025	2,0	43.692.480	7.427.722	51.120.202	4.262.544	724.632		
2	Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố (778 người)	2,0	15.275.520	1,7	24.154.416	6.703.089	46.133.025	2,0	43.692.480	7.427.722	51.120.202	4.262.544	724.632		
3	Trưởng Ban Công tác Mặt trận (778 người)	2,0	15.275.520	1,6	22.733.568	6.461.545	44.470.633	2,0	43.692.480	7.427.722	51.120.202	5.683.392	966.177		
	Tổng		45.826.560		71.042.400	19.867.723	136.736.683		131.077.440	22.283.165	153.360.605	14.208.480	2.415.442		
II	Mức phụ cấp hàng tháng đối với NHĐKCT ở thôn, tổ dân phố còn lại được trung ương khoán 4,5 lần mức lương cơ sở														
1	Bí thư Chi bộ (1.915 người)	1,5	35.549.280	1,35	40.599.468	12.945.287	89.094.035	1,5	80.659.800	13.712.166	94.371.966	4.511.052	766.879		
2	Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố (1.915 người)	1,5	35.549.280	1,35	40.599.468	12.945.287	89.094.035	1,5	80.659.800	13.712.166	94.371.966	4.511.052	766.879		
3	Trưởng Ban Công tác Mặt trận (1.915 người)	1,5	35.549.280	1,25	37.592.100	12.434.035	85.575.415	1,5	80.659.800	13.712.166	94.371.966	7.518.420	1.278.131		
	Tổng		106.647.840		118.791.036	38.324.609	263.763.485		241.979.400	41.136.498	283.115.898	16.540.524	2.811.889		
	Tổng cộng I+II		152.474.400		189.833.436	58.192.332	400.500.168		373.056.840	63.419.663	436.476.503	30.749.004	5.227.331		
B	KINH PHÍ THỰC HIỆN VỚI NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ DO KINH PHÍ NGÂN SÁCH TỈNH CÂN ĐỐI ĐẢM BẢO CHI														
STT	NỘI DUNG	Kinh phí thực hiện Nghị quyết trước sắp xếp đã được cấp dự toán thực hiện năm 2026					Theo dự thảo Nghị Quyết mới			Chênh lệch tăng giữa dự thảo NQ mới và 02 Nghị quyết trước sắp xếp đã giao dự toán thực hiện trong năm 2026	Kinh phí ngân sách cần bổ sung thực hiện từ tháng 6/2026 đến hết tháng 12/2026				
		Kinh phí chi hỗ trợ hàng tháng (do Ngân sách tỉnh cân đối)				Tổng cộng	Kinh phí chi hỗ trợ hàng tháng (do Ngân sách tỉnh cân đối)		Tổng cộng						
		Theo Nghị Quyết số 41 Bình Định trước đây		Theo Nghị Quyết số 73 Gia Lai trước đây			Kinh phí chi hỗ trợ hàng tháng (do Ngân sách tỉnh cân đối)								
		Hệ số	Thành tiền	Hệ số	Thành tiền		Mức tiền	Thành tiền							
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12				
1	Phó Trưởng thôn/Phó Tổ trưởng tổ dân phố (2.693 người)	1.260	16.873.920	0,75	33.211.620	50.085.540	1.755	56.714.580	56.714.580	6.629.040	3.866.940				
2	Phó Bí thư Chi bộ (2.693 người)			0,75	33.211.620	33.211.620	1.755	56.714.580	56.714.580	23.502.960	13.710.060				
3	Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh Việt Nam (2.693 người)	540	7.231.680	0,75	33.211.620	40.443.300	1.755	56.714.580	56.714.580	16.271.280	9.491.580				
4	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ Việt Nam (2.693 người)	540	7.231.680	0,75	33.211.620	40.443.300	1.755	56.714.580	56.714.580	16.271.280	9.491.580				
5	Chi hội trưởng Hội Nông dân Việt Nam (2.693 người)	540	7.231.680	0,75	33.211.620	40.443.300	1.755	56.714.580	56.714.580	16.271.280	9.491.580				
6	Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (2.693 người)	540	7.231.680	0,75	33.211.620	40.443.300	1.755	56.714.580	56.714.580	16.271.280	9.491.580				
	Tổng		45.800.640		199.269.720	245.070.360		340.287.480	340.287.480	95.217.120	55.543.320				
	Tổng cộng A+B								776.763.983		100.444.451	55.543.320			

Ghi chú:

-Cột 13: Đối với mức phụ cấp dự thảo Nghị quyết mới tăng 30.749.004.000 so với thực hiện Nghị quyết cũ. Tuy nhiên phần tăng này không phát sinh thêm kinh phí nguồn ngân sách do đã được Trung ương khoán quỹ phụ cấp tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

- Cột 14: Phần kinh phí chi đóng Bảo hiểm tăng hơn 5 tỷ, do ngân sách tỉnh bổ sung, tuy nhiên đã cân đối trong năm 2026 nên dẫn đến không phát sinh kinh phí.